

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 27/2022/DS-ST

Ngày: 6/4/2022.

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thiện Lai;

2. Ông Tô Ngọc Liêm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo. Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 6 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 336/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2021, về tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP SGTT (Sacombank). Trụ sở: số 266-268 đường NKKN, phường VTS, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D là ông Đặng Văn P, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Bình Dương; Người đại diện ủy quyền của P là ông Nguyễn Quốc D1, sinh năm 1984, địa chỉ: số 431 đại lộ BD, phường PC, Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Nguyễn Tấn P1 – sinh năm 1986. Nơi cư trú: ấp BQ, xã BPX, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

2.2. Bà Võ Thị Tú M, sinh năm 1989, địa chỉ: ấp ND, xã HT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải đại diện nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần SGTТ trình bày: Vào ngày 18/3/2019 Ngân hàng có ký hợp đồng tín dụng số LD1907700707 với nội dung Ngân hàng cho ông P1, bà M vay số tiền 280.000.000đ, mục đích vay mua 01 ô tô tải nhãn hiệu THACO, biển kiểm soát 67C-10685, thời hạn vay 60 tháng; lãi suất tại thời điểm vay là 12,8%/năm. Ngân hàng đã giải ngân cho ông P1, bà M số tiền 280.000.000đ vào ngày 19/3/2019. Đồng thời, chiếc xe ô tô này là tài sản được ông P1, bà M thế chấp tại Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số 8824/TC ngày 18/3/2019 được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra ngày 17/5/2019 ông P1 còn vay tín dụng hình thức thẻ tín dụng với số tiền 25.000.000đ. Từ khi giao kết hợp đồng tín dụng đến ngày 11/11/2019 ông P1 bà M không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng đã nhiều lần trao đổi, làm việc nhưng đến nay ông P1 bà M vẫn không thanh toán đúng theo hợp đồng. Do đó Ngân hàng thương mại cổ phần SGTТ yêu cầu Tòa án buộc ông P1 bà M trả nợ vay tạm tính đến ngày 8/6/2021: số tiền vốn 247.333.100đ và lãi gồm trong hạn 54.957.415đ, lãi quá hạn 27.478.707đ. Tổng cộng 329.769.222đ theo hợp đồng tín dụng số LD1907700707 ngày 18/3/2019; số tiền thẻ tín dụng vốn 21.708.543đ lãi 11.192.258đ, tổng cộng 32.900.000đ. Ngoài ra ông P1, bà M còn phải thanh toán cho ngân hàng tiền lãi quá hạn, lãi phạt được tính theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng sử dụng thẻ từ ngày 9/6/2019 cho đến khi thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp ông P1, bà M không trả được nợ, hoặc trả nợ chưa đầy đủ thì Ngân hàng đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô tải nhãn hiệu THACO, biển kiểm soát 67C-10685 do ông Nguyễn Tấn P1 đứng tên chủ quyền theo hợp đồng thế chấp số 8824/TC ngày 18/3/2019 được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo thi hành án.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn P1, bà Võ Thị Tú M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng không đến tham gia tố tụng, không gửi ý kiến bằng văn bản, nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Ngày 18/3/2019 Ngân hàng có ký hợp đồng tín dụng số LD1907700707 với ông P1 bà M nội dung Ngân hàng cho ông P1, bà M vay số tiền 280.000.000đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận. Do ông P1 bà M vi phạm nghĩa vụ, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ gồm vốn là 247.333.100đ và lãi gồm trong hạn 82.164.056đ, lãi quá hạn 41.082.028đ và trả lãi tiếp theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp số 8824/TC ngày 18/3/2019 được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch nên Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp

để thu hồi nợ. Đối với đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/5/2019 do một mình ông P1 xác lập với ngân hàng. Trên đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/5/2019 thì chỉ có ông P1 là người đề nghị mở thẻ để sử dụng chứ bà M không ký tên vào giấy đề nghị. Vì vậy chỉ có cơ sở buộc ông P1 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vốn là 21.708.543đ và tiền lãi tính đến ngày 6/4/2022 là 17.867.553đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngân hàng TMCP SGTT khởi kiện bị đơn là ông Nguyễn Tấn P1 có nơi cư trú tại xã BPX, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về nội dung:* Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP SGTT với ông P1, bà M được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nhau thể hiện bằng hợp đồng tín dụng số LD1907700707 ngày 18/3/2019 với nội dung Ngân hàng cho ông P1, bà M vay số tiền 280.000.000đ, mục đích vay mua ô tô tải nhãn hiệu THACO, biển kiểm soát 67C-10685, thời hạn vay 60 tháng; Đồng thời, chiếc xe ô tô này là tài sản được ông P1, bà M thế chấp tại Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp tài sản số 8824/TC ngày 18/3/2019 được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh; trong quá trình thực hiện hợp đồng ông P1, bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi và nợ gốc đúng cam kết. Tính đến ngày 6/4/2022 thì ông P1 bà M còn nợ tiền vốn là 247.333.100đ và lãi gồm trong hạn 82.164.056đ, lãi quá hạn 41.082.028đ. Tổng cộng 370.579.184đ. Ngoài ra ông P1 còn vay thẻ tín dụng tính đến ngày 6/4/2022 thì còn nợ tiền vốn là 21.708.543đ và tiền lãi 17.867.553đ. Về hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

[2.1] Căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là hồ sơ Hợp đồng tín dụng số LD1907700707 ngày 18/3/2019; hợp đồng thế chấp số 8824/TC ngày 18/3/2019 được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh và hồ sơ đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/5/2019. Tuy nhiên cho đến hôm nay ông P1 bà M không có ý kiến gì đối với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có giá trị pháp lý.

[2.2] Hợp đồng tín dụng số LD1907700707 ngày 18/3/2019 giữa nguyên đơn với ông P1 bà M được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nhau, theo đó ông P1 bà M đã nhận số tiền vay 280.000.000đ. Sau khi vay thì ông P1, bà M

thực hiện nghĩa vụ đóng lãi và trả vốn được một phần sau đó thì ngưng không thực hiện theo hợp đồng. Do ông P1 bà M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông P1 bà M trả số tiền vốn còn nợ là 247.333.100đ và lãi tính đến ngày 6/4/2022 gồm trong hạn 82.164.056đ, lãi quá hạn 41.082.028đ. Tổng cộng 370.579.184đ là phù hợp với Điều 95 Luật tổ chức tín dụng.

[2.3] Đối với đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/5/2019 do một mình ông P1 xác lập với ngân hàng TMCP SGTT chi nhánh Bình Dương được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nhau, theo đó ông P1 mở thẻ tín dụng hạn mức là 25.000.000đ, ông P1 đã sử dụng số tiền 22.800.000đ, đồng thời có thanh toán số tiền 5.430.000đ thì ngưng cho đến nay. Do ông P1 nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông P1 bà M trả số tiền vốn tiền vốn là 21.708.543đ và tiền lãi 17.867.553đ. Xét thấy nguyên đơn yêu cầu bà M cùng liên đới chịu trách nhiệm với ông P1 là không có cơ sở chấp nhận. Căn cứ đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/5/2019 thì chỉ có ông P1 là người đề nghị mở thẻ để sử dụng chứ bà M không ký tên vào giấy đề nghị. Vì vậy chỉ có cơ sở buộc ông P1 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vốn là 21.708.543đ và tiền lãi tính đến ngày 6/4/2022 là 17.867.553đ.

Từ những cơ sở trên nghĩ nên buộc ông P1 bà M có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền vốn còn nợ là 247.333.100đ và lãi tính đến ngày 6/4/2022 gồm trong hạn 82.164.056đ, lãi quá hạn 41.082.028đ. Tổng cộng 370.579.184đ. Từ ngày 7/4/2022 lãi phát sinh tương ứng theo lãi suất chậm trả được quy định theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông P1 bà M thanh toán toàn bộ khoản tiền vay. Buộc ông P1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền vốn là 21.708.543đ và tiền lãi tính đến ngày 6/4/2022 là 17.867.553đ.

[2.4] Đối với hợp đồng thế chấp số 8824/TC ngày 18/3/2019 được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh. Xét thấy, Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên nhằm đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ của ông P1 bà M với nguyên đơn. Hợp đồng này ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên và được chứng thực và được đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật nên Hợp đồng thế chấp này có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Do đó, khi ông P1 bà M không thanh toán nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ là phù hợp.

[3] Về án phí: ông P1 bà M phải chịu là 18.529.000đ. Ông P1 phải chịu là 1.978.800đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 463; 466 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng

dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT.

Buộc ông Nguyễn Tấn P1, bà Võ Thị Tú M có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT số tiền vốn còn nợ là 247.333.100đ và lãi tính đến ngày 6/4/2022 gồm trong hạn 82.164.056đ, lãi quá hạn 41.082.028đ. Tổng cộng 370.579.184đ.

Kể từ ngày 7/4/2022 ông P1, bà M còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD1907700707 ngày 18/3/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Buộc ông Nguyễn Tấn P1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT số tiền vốn còn nợ là 21.708.543đ và tiền lãi tính đến ngày 6/4/2022 là 17.867.553đ. Tổng cộng 39.576.096đ.

Kể từ ngày 7/4/2022 ông P1 còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/5/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT yêu cầu bà Võ Thị Tú M có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Nguyễn Tấn P1 trả số tiền 21.708.543đ và tiền lãi tính đến ngày 6/4/2022 là 17.867.553đ. Tổng cộng 39.576.096đ.

Án phí DSST:

Ông Nguyễn Tấn P1, bà Võ Thị Tú M phải chịu 18.529.000đ.

Ông Nguyễn Tấn P1 phải chịu là 1.978.800đ.

Ngân hàng TMCP SGTT được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 8.244.000đ theo biên lai số 0009912 ngày 22/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình